TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨH-TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 4năm 2019
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Á Khanh; Bà Nguyễn Thị Vân.
- *Thư ký phiên tòa*:Bà Tưởng Thị Lan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện ỨH, thành phố Hà Nội.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ỨH tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Khuyến -Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ỨHxét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số:65/2019/TLST- HNGĐ ngày05tháng03năm 2019về Tranh chấp Hôn nhân và gia đìnhtheo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày01 tháng4năm 2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị **Cao Thị Đ** -sinh năm 1986
Nguyên quán: HĐ, xã TT, huyện ỨH, TP Hà Nội.
**** Bị đơn:*** Anh **Trương Quốc T**- sinh năm 1978
Đều có nơi ĐKHKTT: TT, xã TT, huyện ỨH, Hà Nội.
(Chị Đ có mặt; anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án, chị Cao Thị Đ là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Trương Quốc T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT vào năm 2005. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do chị kết hôn với anh T chủ yếu là vì chị nghe theo lời của bố mẹ chứ chị cũng không có tình yêu với anh T, khi về chung sống với nhau anh T không quan tâm đến vợ con và gia đình nhất là những lúc chị ốm đau, rồi đến kinh tế gia đình chị khó khăn, mọi việc trong gia đình đều do chị gánh chịu, vì thương con nên vẫn cố nhẫn nhịn chung sống với anh T nhưng cho đến năm 2014 chị nhận thấy sự chịu đựng vượt quá giới hạn, chị không thể vừa phải lo lắng mọi chuyện của gia đình lại không nhận được sự quan tâm, chăm sóc của chồng, thời

điểm đó anh T còn có quan hệ với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng và sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Cho đến nay chị không thể tiếp tục cuộc sống như vậy, chị cũng không còn tình cảm với anh T nữa nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung: Trương Diệu A - sinh ngày 21/3/2007, Trương Diệu Yến N - sinh ngày 04/01/2009 và Trương Công D - sinh ngày 05/05/2012.Hiện nay, cả ba cháu đều đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung; Hiện nay chị đang làm thợ may, có cửa hàng may tại nhà, thu nhập hàng tháng của chị khoảng từ 08 triệu đến 9triệu/tháng; Do tự mở cửa hàng làm tại nhà nên chị không có giấy tờ chứng minh thu nhập của chị để gửi cho Toà; chị có nhiều thời gian chủ động và có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung, chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị số tiền hàng tháng 3.000.000đồng/tháng.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án, anh Trương Quốc T là bị đơn trình bày: Anh và chị Cao Thị Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT vào năm 2005. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn gay gắt, nguyên nhân chủ yếu theo anh là do chị Đ bị mắc bệnh,anh có quan hệ với người phụ nữ khác, nên vợ chồng có mâu thuẫn gay gắt, từ đó tuy hai vợ chồng anh vẫn sống chung một nhà nhưng thực tế vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai,. Nay chị Đ có đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh vẫn còn tình cảm với chị Đ, các con anh còn quá bé, mâu thuẫn của anh chị chưa đến mức trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Đ có 03 con chung Trương Diệu A – sinh ngày 21/3/2007, Trương Diệu Yến N - sinh ngày 04/01/2009 và Trương Công D - sinh ngày 05/05/2012. Trường hợp Toà án giải quyết ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung, anh không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.Hiện nay anh đang làm công nhân ở công ty TNHH Việt Nhật có trụ sở tại xã QPC, huyện ỨH, thành phố Hà Nội, thu nhập bình quân hàng tháng của anh là khoảng 6.000.000 đồng/tháng; về vấn đề giấy tờ chứng minh thu nhập của anh để nộp cho Toà án anh sẽ hỏi công ty và nếu có anh sẽ nộp lại cho Toà sau.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh T và chị Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương: Chị Đ và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT ngày 12/10/2005. Chị Đ làm nghề may và có cửa hàng, thuê nhân công làm tại nhà, còn anh T thời gian đầu có công tác tại UBND xã nhưng

sau đó chuyển làm công nhân tại Công ty TNHH Việt Nhật. Anh T là một người hiền lành, tuy nhiên về mặt kinh tế gia đình anh T không đỡ đần, lo toan cho vợ con được nhiều. Anh T và chị Đ có mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay. Chị Đ cùng các con chung đang sinh sống tại nhà là cửa hàng may quần áo cua chị Đ, còn anh T chuyển về sống cùng bố mẹ, hai nhà cách nhau khoảng 02km. Chị Đ và anh T có 03 con chung: Trương Diệu A - sinh ngày 21/3/2007, Trương Diệu Yến N - sinh ngày 04/01/2009 và Trương Công D - sinh ngày 05/05/2012. Nay, chị Đ có đơn xin ly hôn anh T, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Toà án căn cứ các quy định pháp luật giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các công dân, đặc biệt là đối với các cháu nhỏ.

Tại phiên tòa, chị Đ vẫn giữ nguyên quan điểm và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ỨH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết chấp nhận cho chị Đ được ly hôn anh T; giao 02 con chung Trương Công D và Trương Diệu Yến N cho chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao con chung Trương Diệu A cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Đ cho đến khi có yêu cầu hoặc thay đổi mới; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Đ theo quy định pháp luật; chị Đào phải nộp án phí ly hôn và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Cao Thị Đ có đơn ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện ỨH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật. AnhT có đơn xin vắng mặt tại phiên toà, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về hôn nhân: Chị Cao Thị Đ và anh Trương Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT ngày 12/10/2005 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân doanh T có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, bản thân chị Đ ngay từ khi kết hôn cho đến nay đều không có tình cảm gì với anh T; anh chị có thời gian sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay;Nay chị Đ cương quyết xin ly

hôn, anh T không đồng ý ly hôn với lý do vẫn còn tình cảm với chị Đ và thương các con còn nhỏ, nhưng thực tế anh T không có động thái gì để hàn gắn tình cảm, đoàn tụ vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ với anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử xửchấp nhận cho chị Đ được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của Điều 56Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Đ, anh T có 03 con chung là Trương Diệu A - sinh ngày 21/3/2007, Trương Diệu Yến N - sinh ngày 04/01/2009 và Trương Công D - sinh ngày 05/05/2012, hiện đều đang ở với chị Đ.

Xét, hiệnnay anh T đi làm công nhân tại Công ty TNHH Việt Nhật thu nhập 06 triệu đồng/tháng, do công việc trong Công ty làm việc theo ca, ít có thời gian chăm sóc, đưa đón con đi học; còn chị Đ làm nghề thợ may ở tại nhà, thu nhập từ 08 triệu đồng đến 09 triệu đồng/tháng, về thời gian thì chị Đ có điều kiệnchăm sóc con hơn anh T, hơn nữa cả ba con chung từ trước đến nay đều ở với chị Đ; thấy hiện tại cháu Trương Diệu A là lớn nhất trong các con chung, đã tròn đủ 12 tuổi, phần nào cũng tự chăm sóc được bản thân, còn cháu Trương Công Dvà Trương Diệu Yến N còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn; tuy nhiên, nếu để một mình chị Đ chăm sóc cả 03 con chung thì cũng không đảm bảo. Do đó, Hội đồng xét xử xửgiao 02 con chung (Trương Công D và Trương Diệu Yến N) cho chị Đlà người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao 01 con chung (Trương Diệu A) cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh Tưcó nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con 1.500.000đồng/tháng cho chị Đ, cụ thể vào ngày 25 hàng tháng và bắt đầu từ tháng 5/2019 cho đến khi có yêu cầu hoặc thay đổi khác; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Đ cho đến khi có yêu cầu hoặc thay đổi khác. Chị Đ và anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị Cao Thị Đ và anh Trương Quốc T đều không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Cao Thị Đ phải nộp án phí, nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáotheo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự (năm 2015); các Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1.Về hôn nhân: Chị Cao Thị Đ được ly hôn anh Trương Quốc T.

2.Về con chung: Chị Cao Thị Đ và anh Trương Quốc T có 03con chung: Trương Diệu A - sinh ngày 21/3/2007, Trương Diệu Yến N - sinh ngày 04/01/2009 và Trương Công D - sinh ngày 05/05/2012.

Sau ly hôn - giao con chung làTrương Công D và Trương Diệu Yến N cho chị Cao Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Sau ly hôn - giao con chung là Trương Diệu A cho anh Trương Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Đ cho đến khi có yêu cầu, đề nghị mới hoặc có sự thay đổi khác.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị Đ số tiền 1.500.000đồng/tháng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng*), cụ thể vào ngày 25 hàng tháng và bắt đầu từ tháng 5 năm 2019 cho đến khi có yêu cầu, đề nghị mới hoặc có sự thay đổi khác.

Sau ly hôn,chị Đ, anh T đềucó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh h□ởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục con thì ng□ời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của ng□ời đó".

3.Về án phí: Chị Cao Thị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng số tiền phải nộp là 600.000đ *(Sáu trăm nghìn đồng chẵn)*, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008996ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện ỨH, thành phố Hà Nội. Chị Đ còn phải nộp 300.000đồng*(ba trăm nghìn đồng chẵn)*.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện □H;
- Chi cục THADS □H;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thiện

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**